

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 14-5-2024  
“*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Pho.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhung.
2. Ông Phù Thọ Bồn.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ý là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 86/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thanh D**, sinh năm 1995; Địa chỉ: Tổ 03, ấp Bãi Chà Và, xã D, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Dương Tấn H**, sinh năm 1991; Địa chỉ: Tổ 03, ấp Bãi Chà Và, xã D, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

(Chị D có mặt, anh H có đơn xin vắng mặt)

**NỘI D VỤ ÁN:**

- *Nguyên đơn chị Trần Thanh D trình bày:*

Về hôn nhân: Chị với anh Dương Tấn H chung sống có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thuận Yên, thị xã Hà Tiên (nay thành phố Hà Tiên) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/4/2014. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, khoảng 02 năm gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Hiện nay chị D và 02 con đã về nhà cha ruột chị sống, nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Dương A, sinh ngày 09/3/2014 và Dương V, sinh ngày 27/01/2022, do từ nhỏ đến nay 02 con chung do chị nuôi dưỡng nên chị xin được tiếp tục nuôi 02 con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

- *Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Dương Tấn H trình bày:*

Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn do anh vẫn còn thương vợ con, khoảng 02 năm nay anh bị bệnh tai biến nhũn não bản thân anh còn đi lại được và tự chăm sóc bản thân mình, tay và chân trái anh bị yếu không còn khả năng lao động. Từ khi anh bị bệnh cô D thay đổi tính tình hay cáu gắt và cộc cằn ít quan tâm chăm sóc anh và hiện nay cô D cùng 02 con đã về nhà cha vợ anh sống, hiện nay anh đang sống cùng mẹ ruột.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Dương A, sinh ngày 09/3/2014 và Dương V, sinh ngày 27/01/2022, hiện nay 02 cháu đang sống cùng cô D, nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đồng ý giao 02 con chung cho cô D nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Khi anh còn khỏe có tạo dựng được một căn nhà cấp 4, xây dựng trên phần đất của mẹ ruột anh, bà chỉ cho cất nhà trên đất để ở chứ không cho luôn 02 vợ chồng, tiền xây dựng căn nhà khoảng 180.000.000 đồng, do anh không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Dung được ly hôn với anh H, giao 02 con chung cho chị D nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận việc chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Chị D phải chịu án phí hôn nhân theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về việc "Ly hôn và nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn anh Dương Tấn H có nơi cư trú tại ấp Bãi Chà Và, xã D, huyện K, tỉnh Kiên Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đối với quan hệ hôn nhân và con chung của vợ chồng thì áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để xem xét giải quyết.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà bị đơn anh Dương Tấn H có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị D và anh H là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy chị D có yêu cầu ly hôn nH anh H không đồng ý vì cho rằng vẫn còn thương vợ con, trong cuộc sống hôn nhân không có mâu thuẫn gì lớn. Tòa án đã tiến hành hòa giải động viên để vợ chồng trở về sống đoàn tụ nH chị D vẫn cương quyết xin ly hôn. Tại phiên tòa, chị D khẳng định không thể hàn gắn với anh H, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, không còn yêu thương, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Xét thấy trong quá trình chung sống anh chị nhiều lần bất đồng quan điểm, khoảng 02 năm nay vợ chồng anh chị hay mâu thuẫn và hơn 01 năm nay chị D về nhà cha ruột chị sinh sống, hiện nay anh H đang bị bệnh đang sinh sống cùng mẹ ruột. Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của chị D và anh H đối với những người thân trong gia đình và tại địa phương đều xác nhận hiện nay anh H và chị D có mâu thuẫn và hiện nay anh chị không còn sống chung. Từ những căn cứ nêu trên nhận thấy hôn nhân anh chị không còn hạnh phúc, đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”*. Vì vậy xét nên cho chị D được ly hôn với anh H.

[4] Về con chung: Ghi nhận sự thoả thuận của chị D và anh H giao 02 con chung tên Dương A, sinh ngày 09/3/2014 và Dương V, sinh ngày 27/01/2022 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay 02 con chung đang sinh sống cùng chị D và anh H đang bị bệnh nên không thể chăm sóc con, đồng thời việc thoả thuận này phù hợp với ý kiến cháu A nên ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, chị D yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 144, 146 Bộ luật tố Tụng dân sự và
- Các Điều 9, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thanh D được ly hôn với anh Dương Tấn H.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Dương A, sinh ngày 09/3/2014 và Dương V, sinh ngày 27/01/2022 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không yêu cầu.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị D yêu cầu ly hôn nên phải chịu số tiền án phí là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền án phí tạm nộp là 300.000 đồng theo lai thu tiền số 0003921 ngày 09/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Kiên Giang, nên chị D không phải nộp thêm.

- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Thuận Yên, thành phố Hà Tiên;
- Dương sự;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Pho**